

TẢN MẠN VỀ NHỮNG HÒN MỔ MỘ MƯỜNG CỔ

TS. PHẠM QUỐC QUÂN

Mấy đêm nay, trong những giấc ngủ chập chờn, tôi thấy hai người đàn ông, một quần bò, áo phông, một đeo túi, mặc áo chàm đứng bên giường, thúc giục một điều gì như cật vấn “ông đã làm chưa”. Tỉnh giấc, lục tìm trong hời cổ, mới nhớ lại một bữa rượu hèn (đậu phụ, quốc lủi) tại gốc đa của Bảo tàng Lịch sử Việt Nam - nơi nhà tôi ở khi ấy, thầy Từ Chi và Trần Quốc Vượng nói rằng, ông nghiên cứu mộ Mường cổ, có nghĩ gì về những hòn mổ ở Bi - Vang - Thàng - Động, khi một gợi ý của GS.TS. Boricopski - chuyên gia khảo cổ học Xô Viết khi ấy, trong một chuyến điền dã khảo cổ, dân tộc học ở Đống Thếch, huyện Kim Bôi, Hòa Bình, nhìn thấy những cột đá cao sừng sững, vượt khỏi những đám cây rừng, thốt lên “Megalite” (Cự thạch). Nhưng khi đến gần, ông nhìn thấy những dòng chữ Hán trên một số hòn mổ, ghi rõ tên tuổi người mất¹, theo đó là một động tác nhún vai, lắc đầu: Bia mộ. Hai thầy dường như không mấy tán đồng với cử chỉ và câu nói ấy của nhà khảo cổ học Xô Viết, bởi đó mới chỉ là sự thoả qua của trực quan, chưa có điều tra kỹ lưỡng từ dân tộc học hời cổ và khảo cổ học điền dã.

Chuyện ấy cứ canh cánh bên tôi và cứ mỗi lần gặp, lại một lần hỏi, nhưng chẳng viết được chữ nào, dẫu rằng, những chuyến điền dã lên Mường, tôi có lưu tâm tới gợi ý ấy và ghi chép trong sổ nhật ký công tác của mình. Giờ đây, khi cả ba cây đại thụ đã về cõi vĩnh hằng, lật lại những trang nhật ký, tôi muốn viết đôi điều, để tưởng nhớ tới các ông, qua mấy đêm mộng mi, tỉnh lại với bao nỗi buồn man mác.

Dũng Phong, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình là nơi tôi lưu lại dài ngày qua một cuộc khai quật lớn mộ cổ Mường Thàng². Đây là một nghĩa địa rộng

hàng chục héc ta, bao gồm nhiều thời kỳ chôn cất của cư dân Mường cổ, với những phiến đá khi thì sừng sững, uy nghi lấp ló trong những đám rừng già còn sót lại, do linh thiêng và kiêng kỵ, khiến người dân không dám động đến từng cành cây, ngọn cỏ nơi này. Nhưng, cũng có những hòn mổ lặn sâu xuống đất, cũng được cấm theo quy luật, xung quanh huyết, đã được đào tung lên, do dân không biết, đã canh tác và xây dựng. Sau này, khi có nhiều tư liệu trong tay, tôi mới nhận ra, thế kỷ XIV như một bản lề của khung niên đại mộ Mường³. Trước niên điểm này, các hòn mổ chỉ nhú lên trên hoặc lặn sâu xuống lòng đất. Sau thế kỷ này, thời Lê sơ và Lê Trung hưng, hòn mổ mới được dựng quy mô và hoành tráng. Như thế, sử dụng đá làm hòn mổ như là một hằng số trong cấu trúc của mộ Mường cổ suốt từ thời Lý đến Lê Trung hưng. Và, đá, với tư cách là một trong những cột đá làm bia mộ, cũng chỉ xuất hiện ở thế kỷ XVII⁴. Trước đó không hề có, còn sau đó, cải cách hành chính và chế độ lưu quan của vua Minh Mạng đã giải thể đơn vị Mường, khiến cho vị trí chính trị, kinh tế nhà Lang bị thu hẹp, theo đó, nghĩa địa nhà Lang cũng không còn quy mô, đồ sộ, rộng lớn như trước⁵.

Cũng ở Dũng Phong, quanh bếp lửa đêm đông, các già làng chỉ về phía “cấm địa” - nơi rừng cây và cột đá, bảo rằng, đêm đêm, từ những cột đá ấy, có hai người đàn ông và đàn bà mặc quần áo trắng bay ra, lang thang khắp cánh rừng già, để đến sáng lại nhập về những hòn đá ấy. Đó là công chúa Lý và người tù trưởng Mường Thàng, chết oan nghiệt vì hiểu lầm và hối hận mà áng Mo “Vườn hoa núi Cối” của xứ này kể lại⁶.

Chuyện kể được cô đúc bằng một giọng văn có lẽ còn vụng về của tác giả bài viết này, và còn quá giản đơn so với trường ca “Vườn hoa núi Cối”,



Các hòn chuyển linh - Mộ Đống Thếch, Hòa Bình - Ảnh: wikimedia.org

nhưng cốt lõi được rút tĩa, đó là linh hồn của đá, được gán gửi cho một câu chuyện lịch sử nửa thật, nửa hư từ một áng mo.

Về Mường Thành, xã Kim Truy, huyện Kim Bôi, Hòa Bình, những nghĩa địa nhà Lang ở đây to lớn và hoành tráng chẳng kém gì Dũng Phong, Vĩnh Đồng, vào những năm 70 của thế kỷ trước, khi mà những bãi tha ma còn vẹn nguyên sự linh thiêng và bí ẩn, khi mà tâm linh của người dân miền rừng còn chưa bị kinh tế thị trường bào mòn và tha hóa, nên tôi còn ghi chép được nhiều điều quanh những ngôi mộ ấy, trong đó có một chuyện liên quan tới bài viết này: Kia là mộ phần của một tù trưởng Mường Thành, mà những phiến đá to hàng tấn ấy được một đoàn voi kéo từ đâu về không biết. Công việc kéo đá diễn ra nhiều năm trời để chuẩn bị cho lễ hỏa thiêu vị tù trưởng họ và buổi lễ hỏa thiêu cũng kéo dài vài ba đêm cùng với những buổi cúng mo, dựng cột đá linh đình. Đêm cuối cùng, trước khi hòn mồ và nhà mồ được dựng lên, có hàng chục người bị thiêu theo mà tiếng khóc thảm thiết vang vào vách núi, dội về Mường, xót xa, thảm khốc.

Câu chuyện được tóm lược như trên, dường như bị đắp bồi và bao phủ của nhiều tầng, nhiều lớp văn hóa theo thời gian và ghép lại từ nhiều mảnh vụn của ký ức dân gian, đâu đó có chôn theo người sống - chuyện không có ở ta và ở đất Mường

êm ả, nhưng rút tĩa, thấy có việc chuyển đá từ nơi xa, là chuyện thật vì vùng Kim Bôi chỉ có đá vôi, đâu có phiến đá như những hòn mồ, rồi buổi lễ dựng cột đá được đặt trong lễ cúng Mo, ảnh xạ một thuở xa xưa hơn từ nghi thức dựng cự thạch - điều mà tôi muốn giải mã qua những mảnh vụn của ký ức sau những câu chuyện đượm chất huyền tích của người dân.

Đến Mường nào của Bi - Vang - Thành - Động, khi nói về những hòn mồ nơi nghĩa địa nhà Lang, người dân đều bảo rằng, vợ hay con gái nhà Lang, dựng 7 hòn mồ, một ở đầu và số còn lại ở hai bên huyệt mộ (liên quan tới vía). Nếu là con trai hay chính Lang Cun, Lang Đạo chết, số hòn mồ được dựng là 9, cũng theo quan niệm trên. Khảo sát thực địa, dấu khảo cổ học chưa cho phép nhận ra đâu là chủ nhân mộ nữ, đâu là chủ nhân mộ nam, nhưng dường như con số ấy là không nói được nhiều điều⁷, mà hoàn toàn phụ thuộc vào thân phận và số lượng con cháu của người quá cố. Càng giàu sang, quyền quý con cháu càng đông, lượng hòn mồ càng nhiều, càng lớn⁸. Tuy nhiên, lấp lánh đằng sau con số ấy là quan niệm "hồn" và "vía", vốn cũng là tín ngưỡng xa xăm của nhiều dân tộc Đông Dương, trong đó có cả người Việt (Kinh).

Như vậy, với quan niệm của người Mường, đá có linh hồn hay là nơi cư ngụ của linh hồn như một tín ngưỡng được xác tín, ảnh xạ qua những câu chuyện vừa nêu. Phát hiện này đã được Trần Tử và Bạch Đình ghi nhận từ những năm 70 của thế kỷ trước với những dòng cắt nghĩa như sau: "Khi bị cắt đứt sợi dây với cõi sống, hồn ma thường đứng trên các cột đá nhìn về bản Mường trong những chiều sương mù⁹. Rồi, Trần Anh Dũng và Lại Văn Tới cũng nhìn thấy lệ nhà Lang họ Quách ở Vĩnh Đồng, huyện Kim Bôi rằng: "Quan Lang mất, nhà

nào cũng để tang như bố mẹ đẻ, xây nhà mồ, dựng cột đá, xung quanh có hàng rào¹⁰. Đó, dường như là một căn cứ, cho một dị bản của Mường Thành, thuộc xã Kim Truy, cùng huyện với sự nhập nhằng giữa tang ma và lễ dựng hòn mồ, mà tôi vừa lược trích ở bên trên. Như thế, dẫu còn chưa hết các Mường, thì người đọc cũng dễ đồng ý với người viết bài này rằng, ngoài sự cư trú của linh hồn, đá còn là một công trình tưởng niệm của người sống đối với người quá cố đồng dòng tộc, có thân phận giàu sang khi sống.

Tuy nhiên, đá được coi như một công trình tưởng niệm và là nơi cư ngụ của linh hồn không chỉ tồn tại trong quan niệm của người Mường, mà ở hầu hết các dân tộc Phương Đông mà những văn liệu của T. Harison, P. Mus đều đã ghi nhận như một hiện tượng đồng quy phổ rộng. Chúng còn là vật bảo vệ linh hồn người chết sang thế giới bên kia¹¹.

Đó thực chất là những công trình cự thạch mang tính chất mai táng, bắt nguồn từ một tư tưởng tôn giáo chung là niềm tin vào linh hồn.

Thế nhưng, theo những văn liệu về cự thạch Đông Nam Á của các học giả nước ngoài, những công trình cự thạch thường quan hệ chặt chẽ với tục cải táng. Khảo sát của T. Harison về người Kalibit ở Kalimantan cho rằng, sự cải táng và dựng cự thạch, ở đó có những khái niệm về sự du lịch của người chết sang thế giới bên kia. Ở Triều Tiên, việc cải táng cũng thường diễn ra trong các Dohmen và Menhia¹². Đó dường như là một sự bất chính hợp với táng thức Mường mà khảo cổ học cho hay, hỏa táng và chôn không cải táng là hai nghi thức hàng xuyên trong đời sống cư dân Mường cần được lý giải. Phải chăng, cũng giống như một số cột đá đảm trách như bia mộ, hay quan niệm đá có hồn - vía, vốn nguyên ủy cũng là đá là có linh hồn, nhưng đá bị khúc xạ hoặc giao thoa với văn hóa, tín ngưỡng của cư dân liên kế, theo đó là sự mất đi ý nghĩa nguyên khởi ấy. Tôi nghĩ, thời gian và điều kiện khách quan, đã dội vào đời sống tâm linh Mường từ các dân tộc sống xen cài, trong đó, chủ yếu có lẽ là người Việt (Kinh) và người Thái vùng Tây Bắc và Lào, đã dẫn đến hậu quả nêu trên.

Câu chuyện voi chuyển đá về vùng Kim Truy để dựng hòn mồ tưởng niệm, chính là sự dịch chuyển hay chính xác hơn là sự du nhập văn hóa cự thạch vào Mường ở giai đoạn rất muộn màng, theo đó, chỉ còn là tàn dư của tín ngưỡng ấy, nên đã có sự bất chính hợp nêu trên cùng nhiều yếu tố khác nữa mà

bài viết này chưa có điều kiện khảo sát, là một lẽ đương nhiên.

Xin trở lại với tục cải táng. Tục này thường liên quan tới nghi thức “giữ” và “bỏ mã”. Hai nghi thức này trong quá trình của tục cải táng. Các học giả Phương Tây cho rằng, cả hai nghi thức đều dựa trên cơ sở của quan niệm người chết còn linh hồn, nên phải có giai đoạn “giữ” và “bỏ mã”, tức là chăm sóc người chết. Ở các dân tộc Indonedieng núi, việc chăm sóc người chết được tiến hành như sau: Ở quan tài, ngay nơi đặt người chết cắm một ống tre vào, một đầu kia chõ lên khỏi mặt đất, thức ăn, rượu theo ống tre đổ xuống mồ. Người Ede làm hai ống tre, một ống đổ rượu, một ống đổ thức ăn. Người Jarai cho ống tre cắm xuống đầu, họ hàng thân thuộc thường đến mộ đó hút thuốc bằng ống điếu của người chết và thả khói theo ống tre xuống mộ¹³.

Ngoài các tộc người ở Việt Nam, một số dân tộc Hải Đảo và Miến Điện cũng tồn tại tục này.

Người Mường cũng tồn tại tục “giữ” và “bỏ mã”, chăm sóc người chết. Họ chăm sóc bằng cách đặt thức ăn, đồ uống trong mồ để người chết lên ăn. Công việc đó thường được tiến hành trong thời gian từ 6 đến 9 tháng. Ngoài thức ăn, nhà mồ còn treo nhiều quần áo, tiền vàng mã - như người Mường và Thái hiện vẫn làm, để người chết lên thay. Tuy nhiên, tục này vẫn không đi liền với cải táng, để tạo nên một phức hợp: Cự thạch = Dựng cột đá + cải táng + “giữ” và “bỏ mã” (chăm sóc người chết).

Như thế, cự thạch mang tính chất mai táng ở Mường không liên quan tới tục cải táng, thì phải chăng, phức hợp nêu trên của các học giả phương Tây không hoàn toàn phù hợp với tất cả các dân tộc có văn hóa cự thạch hay cự thạch Mường chỉ còn là tàn dư, nên đã mất đi sự đồng bộ cần thiết của những công trình cự thạch mai táng chân chính. Đó là những bản khoản, cần được giải đáp, song, tôi vẫn cứ nghiêng về yếu tố tàn dư, nên hòn mồ đã biến thành bia mộ, khiến cho có sự lắt đầu, nhún vai thất vọng của nhà khảo cổ học Xô Viết đã nhắc tới ở phần trên.

Lý giải và luận suy những hòn mồ ở các khu mộ Mường cổ ở Hòa Bình và phần nào của người Thái vùng Tây Bắc, vô hình chung, có một sự trùng hợp ngẫu nhiên trên bản đồ khảo cổ học cự thạch Việt Nam, khi ta thấy ở đây là khu vực phân bố hay ảnh hưởng của trường thạch (Men hia) và phía bên kia,

vùng Đông Bắc, là khu vực phân bố hoặc ảnh hưởng của trác thạch (Dolmen), mà những trác thạch ấy đã tìm thấy ở vùng núi Bắc Giang, sâu hơn, xuống tận Ba Vì (Hà Nội).

Từ những hòn mồ ở mộ Mường, để tìm ra một sợi dây liên hệ với văn hóa cự thạch mang tính chất mai táng, xem ra còn khá mỏng manh, do tư liệu còn quá nghèo nàn hoặc người đan dệt cho sợi dây liên hệ ấy còn quá vụng về, nên người đọc hẳn chưa mấy tâm phục. Tuy nhiên, những cảm nhận ban đầu của những học giả quá cố và những gợi ý tâm huyết của hai người thầy đã thúc dục tôi viết bài này như gỡ thêm nút thắt, gợi mở cho những người đi sau tiếp thêm sức lực để toại nguyện lòng mong mỏi của tiền nhân - những đấng bậc siêu phàm với những cảm quan tinh nhạy, rất có cơ sở để tiếp tục đi sâu cho những người đi sau lạc quan và tin tưởng. Thế nhưng, sự hồi thúc trước tiên để bài viết này được hoàn thiện, không chỉ là chuyện gợi mở, mà là những giấc mơ thúc dục và luận văn nhỏ này xin được coi như là nén tâm nhang thấp trên mộ các ông, cầu mong cho sự siêu thoát, thành thoi và lãng tử ở cõi trời xa, giống như ở trên đời, các ông đã từng sống và cống hiến./

P.Q.Q

Chú thích và tài liệu dẫn:

1- Văn bia trên hòn mồ Mường Vang ghi "Thổ tù xã Ngọc Lâu, huyện Phụng Hóa, phủ Thiên Quan, Đặc tiến Phụ quốc thượng tướng quân, Tả đô đốc, Đô chỉ huy sứ, Ty đô chỉ huy sứ Vệ Cẩm y, Vinh Lộc Hầu Quách Phúc Thiêm". Bia trên hòn mồ Mường Động, Kim Bôi ghi: "Bản mệnh Nhâm Ngọ tuế, thọ lục thập lục, Đinh Hợi niên, thập nguyệt, thập tam nhật Sửu thời chung, phụng cửu linh xa, cung tế huynh đệ nghiêm hòa, Dục vận tán trị công thần, Đặc tiến Phụ quốc thượng tướng quân, Cẩm Y vệ thự sự, Uy Lộc Hầu, tăng chương vệ sự điện tiền Đô hiệu điểm Ty đề đốc, Uy quận công, Đinh quý công, húy Kính Thành".

Xem Nguyễn Đình Chiến: "Mộ Mường Vang trong phổ hệ mộ thuyền Việt Nam", *Thông báo khoa học, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, năm 1983*. Đỗ Văn Ninh: "Những khu mộ Mường ở Hòa Bình", *Khảo cổ học, số 16/1974*, tr. 139.

2- Phạm Quốc Quân: "Khai quật mộ Mường Thàng, Dũng Phong (Hà Sơn Bình)", *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1982*, tr. 237.

3- Phạm Quốc Quân: Các di tích mộ Mường cổ ở Hòa Bình và Hà Tây, Luận văn PTS. Khoa học lịch sử, *Tư liệu Bảo tàng Lịch sử quốc gia*.

4- Văn bia mộ số 4 ghi rõ: "Thời vua Lê chúa Trịnh thanh bình, năm Cảnh Trị thứ 3 (1665) bà Bạch Thị Hải, sau khi lấy chồng về xã Vĩnh Động...". Như vậy, niên đại của ngôi mộ số 4 và hầu hết các ngôi mộ khu A Đống Thếch là thế kỷ XVII.

5- Năm 1835, cải cách hành chính và chế độ "lưu quan" của vua Minh Mạng đã làm mất đi quyền lực nhà Lang. Xem Nội các triều Nguyễn: *Khâm Định Đại Nam hội điển sử lệ*. Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1983.

6- Mộ "Vườn hoa núi Cối" kể về công chúa Lý làm vợ tù trưởng Mường Thàng. Khi ông đi chiến trận trở về, để nguyên cả giáp trận và vũ khí, chìm trong giấc ngủ. Người vợ thấy vậy, định tháo gươm cho chồng yên giấc. Bưng tỉnh, tướng đầu như người vợ giết mình, vung gươm chém chết. Sau đó, biết là không phải, ông đã tự vẫn chết theo. Hai ngôi mộ tù trưởng và công chúa, vào năm 1980 - 1981, vẫn còn ở Mường Thàng-Đũng Phong. Tuy nhiên, đó chỉ là câu chuyện truyền miệng và hồi cổ của người dân vùng này.

7- Văn bia mộ ở Đống Thếch, xã Vĩnh Động, huyện Kim Bôi, Hòa Bình cho phép nhận ra mộ nam và nữ, khi ở đây còn ghi rõ tên họ của người quá cố. Nhưng số lượng mộ có văn bia là rất ít ở mộ Mường cổ.

8- Mộ chí: Mộ 3H.10 khu Đống Thếch ghi: "Cột đá của các cháu rể xã Vũ Lao mang đến phúng". M3H.12 ghi "Các em trai dựng 7 trụ đá lưu lại vết tích cho con cháu đời sau". Trích lục nội dung hai văn bia này để thấy con cháu dựng cột đá để tưởng niệm là hoàn toàn sự thật, nhưng việc nam 9, nữ 7 như quan niệm hiện nay của người Mường là không hoàn toàn chính xác, ít nhất qua văn bia Đống Thếch. Xem Phạm Quốc Quân: Di tích mộ Mường cổ ở Hòa Bình và Hà Tây, Luận án PTS. Khoa học lịch sử, *Tư liệu Bảo tàng Lịch sử quốc gia*.

9- Trần Tử và Bạch Đình: "Cõi sống và cõi chết trong quan niệm cổ truyền của người Mường", *Nghiên cứu lịch sử, số 140-141 năm 1971*, tr. 50 - 51.

10- Trần Anh Dũng và Lại Văn Tới: "Mộ Mường cổ: Cấu trúc và táng tục", *Khảo cổ học, số 3/1986*, tr. 31 - 42.

11- T. Harison: "100.000 years of stone culture in Borneo", *Journal of the Royal Society of Arts*, 1963 - 1964, vol 112.

T. Harison: *Inside Borneo. Geographical Journal 1964*, vol 130.

T. Harison: *The prehistory of Borneo. Asian Persypective - XIII*, 1970, p.40.

P. Mus: *Etude indicnes at Indochinoises Legends du champa*. BEFEO, T.31, 1931.

12- Tom Ho: "Về vấn đề cự thạch Triều Tiên", *Dân tộc học Xô Viết, số 4 - 1962*, Bản dịch tư liệu Bảo tàng Lịch sử quốc gia.

13- Nguyễn Quốc Tuấn: "Lễ tang Jarai", *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1987*, tr. 251.

Phạm Quốc Quân: Discussion on Stone Sculpture in Old Tombs of Mường People

Through inter-disciplinary method, mostly cultural ethnology, the paper leads readers to approach the funeral rituals of Mường people (Hòa Bình province). The author explains stones around tombs with spiritual meanings and their numbers, as well as compare with other ethnic groups and international examples, mainly in behaviors of past lives.